

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



Mã số Phiếu: 26DVE-0674

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NAM KHANG
 2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHEMIPAZ VIỆT NAM
 3. Địa chỉ : Đường N2, lô D4, KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Tân Phước, Tp. Hồ Chí Minh
 4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, cơ sở hoạt động bình thường
 5. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 25/03/2026
 6. Thời gian phân tích : 25/03/2026 – 10/04/2026
 7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 1 – 2/2

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3	Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích
			26NT0337			
1	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ¹	mg/L	KPH (MDL=0,06)	5	20	SMEWW 4500-NH3.B&F:2023
2	Clorua (Cl ⁻) ¹	mg/L	390	500	405	TCVN 6194:1996
3	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	5	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
4	Độ màu ¹	Pt-Co	< 30	50	50	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)
5	Nhiệt độ	°C	29,3	40	40	SMEWW 2550B: 2023
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ¹	mg/L	57	75	350	SMEWW 5220C:2023
7	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅) ¹	mg/L	19	30	300	TCVN 6001-1: 2021
8	pH ¹	-	7,91	6-9	6-9	TCVN 6492:2011
9	Sulfua (S ²⁻) ¹	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,2	0,162	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
 - Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 - Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
 - Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
 LBH/SX: 04/01
 NBH: 30/10/2025
 Trang: 1/2



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



VILAS 718

Mã số Phiếu: 26DVE-0674

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3	Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích
			26NT0337			
10	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ¹	mg/L	11	40	300	TCVN 6625:2000
11	Tổng Nito ¹	mg/L	< 9,0	20	35	TCVN 6638:2000
12	Tổng Photpho (tính theo P) ¹	mg/L	< 0,18	4	6	SMEWW 4500-P. B&D:2023

Ghi chú:- ⁽¹⁾: Thông số đã được VILAS công nhận

- KPH: Không phát hiện

- MDL: Ngưỡng phát hiện

+ QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Phương pháp lấy mẫu:

Nước thải TCVN 5999 : 1995 Vi sinh TCVN 8880 : 2011 Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018 Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu, vị trí lấy mẫu:

- 26NT0337: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (Kinh độ: 107°03'41.8", Vĩ độ: 10°31'49.2")

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC



THS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 04/01
NBH: 30/10/2025
Trang: 2/2

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



Mã số Phiếu: 26DVE-0673

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NAM KHANG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHEMIPAZ VIỆT NAM
- Địa chỉ : Đường N2, lô D4, KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Tân Phước, Tp. Hồ Chí Minh
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, cơ sở hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 25/03/2026
- Thời gian phân tích : 25/03/2026 – 10/04/2026
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 1 – 2/2

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 07:2025/BNN MT (Ngưỡng CTNH)	Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích
			26CT0038		
1	Dầu mỡ khoáng ²	mg/Kg	< 90	≥ 1.000 (4)	US EPA Method 9071B + US EPA Method 1664B
2	Antimon (Sb) ²	mg/L	KPH (MDL=0,05)	≥ 15	US EPA 1311 & US EPA 200.7
3	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	≥ 5,0	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010
4	Bari (Ba)	mg/L	KPH (MDL=1,51)	≥ 100	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B
5	Benzene ²	mg/L	KPH (MDL=0,02)	≥ 0,5	US EPA 1311 & US EPA 5021A
6	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0029)	≥ 1,0	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010
7	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,37)	≥ 5,0	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B
8	Clobenzen ²	mg/L	KPH (MDL=0,02)	≥ 100	US EPA 1311 & US EPA 5021A
9	Coban (Co)	mg/L	KPH (MDL=0,07)	≥ 80	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B
10	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,44)	≥ 70	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B
11	Tali ²	mg/L	KPH (MDL=0,5)	≥ 7,0	US EPA 1311 & US EPA 200.7

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
 - Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 - Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
 - Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
 LBH/SX: 04/01
 NBH: 30/10/2025
 Trang: 1/2

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



VILAS 718

Mã số Phiếu: 26DVE-0673

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 07:2025/BNN MT (Ngưỡng CTNH)	Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích
			26CT0038		
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0005)	≥ 0,2	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7470 A
13	Tổng Xyanua	mg/Kg	KPH (MDL=2,9)	≥ 590 ⁽⁴⁾	US EPA Method 9010C & US EPA Method 9013A & US EPA Method 9014
14	Vanadi ²	mg/L	KPH (MDL=0,5)	≥ 25	US EPA 1311 & US EPA 200.7
15	Selen (Se)	mg/L	KPH (MDL=0,0051)	≥ 1,0	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010
16	Phenol ²	mg/L	KPH (MDL=0,5)	≥ 1.000	US EPA 1311 & US EPA 3510C & US EPA 3650B & US EPA 8041A
17	pH	-	6,40	2 - 12,5	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
18	Tổng Crom (Cr) ²	mg/L	KPH (MDL=0,5)	≥ 5,0	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2023

Ghi chú:- ⁽²⁾: Thông số sử dụng nhà thầu phụ

+ Viện Môi trường và Tài nguyên thuộc Đại học Quốc gia Thành phố - Vimcerts 138 (Dầu mỡ khoáng)

+ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 - Vimcerts 078 (Sb, Tali, Vanadi, Phenol,

Benzen)

+ Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú - Vimcerts 292 (Tổng Crom)

- KPH: Không phát hiện

- MDL: Ngưỡng phát hiện

+ QCVN 07:2025/BNNMT (Ngưỡng CTNH): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia ngưỡng chất thải nguy hại.

⁽⁴⁾ Thông số so sánh theo quy định hàm lượng tuyệt đối cơ sở QCVN 07:2025/BNNMT**Phương pháp lấy mẫu:** Chất thải rắn TCVN 9466 : 2021 Bảo quản xử lý mẫu bùn TCVN 12058 : 2017**Ký hiệu, vị trí lấy mẫu:**

- 26CT0038: Bùn thải (Kinh độ: 106°03'43.6'', Vĩ độ: 10°31'49.7'')

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC

ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 04/01

NBH: 30/10/2025

Trang: 2/2